

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 167/2020/HNGĐ-ST
Ngày 22 -9 - 2020
“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Vương

Ông Lý Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 299/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 230/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Bé H, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Ấp 8, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- Bị đơn: Anh Lê Hoàng Đ, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Ấp 9, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 01/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Bé H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Hoàng Đ tự tìm hiểu và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 12/2019 cho đến nay. Nay chị Bé H xác

định không thể tiếp tục chung sống với anh Đ được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 người con tên Lê Ngọc Như Th sinh ngày 15/10/2018, hiện chị Bé H đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị Bé H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Th, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Chị Bé H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Chị Bé H xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án trực tiếp tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Lê Hoàng Đ, hai lần thông báo hòa giải và hai lần triệu tập xét xử nhưng anh Đ không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của chị Bé H, không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Hoàng Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Đ.

[2] Về hôn nhân: Chị Bé H với anh Đ tự nguyện chung sống với nhau năm 2017, có đăng ký kết hôn. Tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, thì mối quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Bé H với anh Lê Hoàng Đ được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị Bé H xác định trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do chị Bé H với anh Đ không cùng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và đã ly thân nhau từ tháng 12/2019. Tại phiên tòa, chị Bé H xác định không còn tình cảm với anh Đ và cũng không thể tiếp tục chung sống với anh Đ được nữa nên vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh Đ; đối với anh Lê Hoàng Đ, mặc dù đã biết được nội dung khởi kiện xin ly hôn của chị Bé H nhưng anh Đ không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị Bé H, điều này cho thấy anh Đ đã không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này nữa. Từ đó cho thấy hôn nhân của chị Bé H với anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị Bé H cho chị Bé H được ly hôn với anh Đ là phù hợp.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 người con tên Lê Ngọc Như Th sinh ngày 15/10/2018, đang sống cùng với chị Bé H. Khi ly hôn chị Bé H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Th; đối với anh Đ không có ý

kiến về việc nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi anh Đ và chị Bé H ly thân cho đến nay cháu Th do chị Bé H trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Th vẫn phát triển bình thường và hiện tại cháu Th chỉ được 23 tháng 07 ngày tuổi. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu Th cho chị Bé H được tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ; đối với việc cấp dưỡng cho con chị Bé H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Bé H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng và không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với anh Đ không có ý kiến gì về tài sản chung, nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm chị Lê Thị Bé H phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Bé H. Cho chị Lê Thị Bé H được ly hôn với anh Lê Hoàng Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Ngọc Như Th sinh ngày 15/10/2018 cho chị Bé H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Th tròn 18 tuổi; vấn đề cấp dưỡng cho con không đặt ra. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Bé H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0011249 ngày 01/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình; chị Bé H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Bé H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- CCTHADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tiêu Hồng Phụng